A. TRẮC NGHIỆM:

I. Điền vào chỗ trống (…) để được khẳng định đúng:

1) $(2x + 3)^2$ = ……..... 2) $4x^2 – 4x + 1$ = …….

3)$16x^2 – 1$ = …….. 4) $(x – 2y)^3$ = ……

5) Giao điểm hai đường chéo hình bình hành là …… của hình bình hành đó.

6) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình ……..

7) Hình thang có hai góc kề với một đáy ……là hình thang cân.

8) Tứ giác có một cặp cạnh đối song song và bằng nhau là hình ……

II. Hãy khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng

Câu 1: Điều kiện của x để phân thức $\frac{5x}{3x+6}$ xác định là:

A. $x \neq 0$ B. $x \neq -2$ C. $x \neq 2$ D. $x \neq 0$ và $x \neq -2$

Câu 2: Kết quả của phép tính $(x^2 + 4x + 4) : (x + 2)$ bằng:

A. $x + 1$ B. $2x + 2$ C. $x + 2$ D. $x + 4$

Câu 3: Rút gọn biểu thức $\frac{3x^2(x+3)^2}{6xy(x+3)}$ ta được kết quả:

A. $\frac{x(x+3)}{2y}$ B. $\frac{(x+3)}{2xy}$ C. $\frac{x}{2y}$ D. $\frac{x^2}{2xy}$

Câu 4: Phân thức đối của phân thức $\frac{-3}{x-1}$ là:

A. $\frac{x-1}{-3}$ B. $\frac{-3}{x+1}$ C. $\frac{3}{1-x}$ D. $\frac{-3}{1-x}$

Câu 5: Kết quả của phép tính $6x^5y^4z^2 : 3x^5y^3z$ là:

A. $3xyz$ B. $2xyz$ C. $2xyz^2$ D. $2yz$

Câu 6: Kết quả của phép tính $(x + 1)(x^2 – x)$ bằng:

A. $x^2 + 1$ B. $x^3 + 1$ C. $x^3 – x$ D. $x^3 – 1$

LIVEWORKSHEETS

Câu 7: Biến đổi biểu thức $(x - y)^2$ được kết quả là:

A. $x^2 - y^2$ B. $x^2 - xy + y^2$ C. $x^2 - 2xy + y^2$ D. $x^2 + 2xy + y^2$

Câu 8: Giá trị của biểu thức: $x^3 - 3x^2 + 3x - 1$ tại $x = 101$ bằng :

A. 10000 B. 1000 C. 1000000 D. 100

Câu 9: Kết quả phân tích đa thức $3x^2 - 12$ thành nhân tử là:

A. $3x(x - 2)^2$ B. $x(3x - 2)(3x + 2)$ C. $3x(x^2 + 4)$ D. $3(x - 2)(x + 2)$

Câu 10: Giá trị của x thõa mãn đẳng thức: $x^2 + 2x = 0$ là:

A. 0 B. – 2 C. 0 hoặc – 2 D. 0 hoặc 2

Câu 11: Tứ giác MNPQ có $M + N = 150^0$ Vậy $P + Q =$

A. 150^0 B. 210^0 C. 200^0 D. 180^0

Câu 12: Cho hình thang có độ dài hai đáy là 8cm và 14cm. Đường trung bình của hình thang có độ dài là:

A. 22cm B. 11cm C. 10cm D. 12cm

Câu 13: Tam giác vuông có hai cạnh góc vuông lần luợt là 6 và 8, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền có độ dài là:

A. 5 B. 3 C. 4 D. 10

Câu 14: Vườn hoa của nhà trường là một hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là $12m$ và $16m$, nhà trường có kế hoạch rào xung quanh. Độ dài nhà trường cần phải rào là:

A. $40m$ B. $10m$ C. $80m$ D. $20m$

Câu 15: Tứ giác có hai đường chéo vuông góc và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình gì?

A. Hình vuông B. Hình bình hành C. Hình thoi D. Hình chữ nhật

Câu 16: Cho tam giác ABC vuông tại A, AB = 4cm, BC = 5cm. Diện tích tam giác ABC bằng:

A. $6cm^2$ B. $20cm^2$ C. $12cm^2$ D. $10cm^2$

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS